

Số: 524/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Văn hóa
cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp
khóa 15 TCT, 16 TCT

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường Cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-LTT ngày 18 tháng 01 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 357/QĐ-LTT-ĐT ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Văn hóa cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TCT, 16 TCT;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp Văn hóa cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 15 TCT, 16 TCT ngày 05 tháng 6 năm 2017;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 157 học sinh khóa 2015 TCT và 2016 TCT đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Văn hóa, cụ thể như sau:

1. Khóa 2015 TCT: 55 học sinh

2. Khóa 2016 TCT: 102 học sinh (có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh được dự thi phải thực hiện theo đúng lịch thi và quy chế thi hiện hành.

Điều 3. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P.TS-ĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Đệ

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÓA 15 TCT, 16 TCT
ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP VĂN HÓA

(Kèm theo Quyết định số 524/QĐ-LTT-DT ngày 05 tháng 6 năm 2017
của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
KHÓA 2015						
1	15003024	Huỳnh Đức Anh	Nam	16/08/1997	15TCT-Đ	
2	15002466	Phạm Văn Tuấn Anh	Nam	02/11/1994	15TCT-Đ	
3	15000760	Lê Ngọc Khang	Nam	25/05/1996	15TCT-Đ	Nợ học phí học văn hóa
4	15001562	Nguyễn Huỳnh Nhạc	Nam	02/7/1997	15TCT-Đ	
5	15001331	Nguyễn Văn Nhật	Nam	20/01/1997	15TCT-Đ	
6	15002687	Nguyễn Minh Nhứt	Nam	11/02/1997	15TCT-Đ	Nợ học phí học văn hóa
7	15002903	Dương Tiến Sĩ	Nam	03/2/1997	15TCT-Đ	Nợ học phí học văn hóa
8	15000917	Lê Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	03/9/1997	15TCT-Đ	
9	15001403	Trần Văn Thi	Nam	15/04/1996	15TCT-Đ	Nợ học phí học văn hóa
10	15003266	Trần Thế Thiện	Nam	08/9/1996	15TCT-Đ	
11	15003285	Phạm Ngọc Thống	Nam	28/08/1996	15TCT-Đ	Nợ học phí học văn hóa
12	15001937	Nguyễn Văn Thuột	Nam	21/11/1997	15TCT-Đ	
13	15003437	Vũ Văn Triển	Nam	01/2/1996	15TCT-Đ	Nợ học phí học văn hóa
14	15000867	Nguyễn Thanh Vinh	Nam	18/10/1996	15TCT-Đ	

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
15	15003298	Võ Văn Cường	Nam	03/6/1997	15TCT-NL	
16	15002213	Lê Anh Tuấn Đạt	Nam	04/6/1997	15TCT-NL	
17	15001091	Nguyễn Đăng Hoàng Duy	Nam	27/09/1997	15TCT-NL	
18	15000683	Nguyễn Lý Thái Duy	Nam	14/07/1996	15TCT-NL	
19	15002550	Lê Thành Hân	Nam	12/12/1997	15TCT-NL	
20	15000402	Lê Gia Huy	Nam	15/10/1997	15TCT-NL	
21	15001867	Nguyễn Tấn Phát	Nam	08/7/1997	15TCT-NL	
22	15002060	Lê Tấn Thành	Nam	22/08/1997	15TCT-NL	
23	15001251	Lê Văn Tươi	Nam	25/11/1994	15TCT-NL	
24	15000562	Bùi Quang Vinh	Nam	03/12/1997	15TCT-NL	
25	15000520	Lê Minh Bình	Nam	04/12/1996	15TCT-CK	
26	15002143	Lê Văn Hiền	Nam	01/6/1996	15TCT-CK	
27	15000754	Hà Triệu Ái Nhân	Nam	17/01/1997	15TCT-CK	Nợ học phí học văn hóa
28	15001885	Trần Hoàng Phước	Nam	20/03/1997	15TCT-CK	Nợ học phí học văn hóa
29	15001315	Nguyễn Hữu Quân	Nam	29/9/1997	15TCT-CK	Nợ học phí học văn hóa
30	15001550	Phạm Khánh Sang	Nam	29/09/1997	15TCT-CK	
31	15003248	Phạm Ngọc Sơn	Nam	11/11/1997	15TCT-CK	
32	15001598	Lê Xuân Tân	Nam	11/09/1995	15TCT-CK	
33	15001621	Nguyễn Phan Thắng	Nam	01/4/1997	15TCT-CK	
34	15002169	Nguyễn Cường Thịnh	Nam	20/12/1997	15TCT-CK	
35	15003425	Trần Đăng Tình	Nam	21/09/1994	15TCT-CK	
36	15002309	Trần Thanh Tình	Nam	26/04/1997	15TCT-CK	
37	15002323	Nguyễn Thành Trung	Nam	23/10/1996	15TCT-CK	

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
38	15002827	Nguyễn Anh Đạo	Nam	28/08/1997	15TCT-Ô	
39	15000619	Lê Hữu Duy	Nam	14/01/1997	15TCT-Ô	Nợ học phí học văn hóa
40	15002469	Nguyễn Trường Giang	Nam	18/11/1996	15TCT-Ô	
41	15003418	Nguyễn Văn Hậu	Nam	23/05/1997	15TCT-Ô	Nợ học phí học văn hóa
42	15001476	Nguyễn Tuấn Hiệp	Nam	20/06/1996	15TCT-Ô	Nợ học phí học văn hóa
43	15000897	Lưu Vũ Anh Quốc	Nam	07/11/1997	15TCT-Ô	Nợ học phí học văn hóa
44	15003354	Bùi Văn Tấn Tài	Nam	03/4/1997	15TCT-Ô	
45	15000845	Phan Trọng Thệ	Nam	16/07/1996	15TCT-Ô	Nợ học phí học văn hóa
46	15001632	Lê Tấn Tiến	Nam	05/7/1996	15TCT-Ô	
47	15000668	Trần Ngọc Tiến	Nam	28/11/1997	15TCT-Ô	
48	15000941	Bùi Hữu Toàn	Nam	21/04/1997	15TCT-Ô	Nợ học phí học văn hóa
49	15002584	Trần Thiện Dũng	Nam	29/07/1995	15TCT-QTM	
50	15002747	Phạm Ngọc Gia Phú	Nam	15/10/1996	15TCT-QTM	
51	15003265	Sử Khắc Thông	Nam	11/07/1992	15TCT-QTM	
52	15001782	TDESCATAMIENTO Tuấn	Nam	22/02/1996	15TCT-QTM	
53	15003347	Bùi Thị Kim Nhung	Nữ	24/06/1997	15TCT-MTT	
54	15000585	Nguyễn Thị Ái Thắm	Nữ	09/9/1997	15TCT-MTT	
55	15003375	Trần Nguyễn Xuân Thảo	Nữ	03/7/1997	15TCT-MTT	Nợ học phí học văn hóa
KHÓA 2016						
56	16000745	Nguyễn Hoài Bảo	Nam	29/03/1997	16TCT-Đ	
57	16000495	Trần Tấn Đại	Nam	28/05/1997	16TCT-Đ	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế Năm học 2016-2017
58	16003316	Bùi Hồng Doanh	Nam	02/6/1998	16TCT-Đ	

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
59	16003184	Trần Nhựt Duy	Nam	16/12/1998	16TCT-Đ	
60	16003252	Đỗ Văn Hà	Nam	21/04/1996	16TCT-Đ	
61	16003424	Hồ Hồng Hải	Nam	06/4/1998	16TCT-Đ	
62	16003296	Lê Ngọc Hải	Nam	15/11/1998	16TCT-Đ	
63	16001877	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	28/10/1998	16TCT-Đ	
64	16001472	Nguyễn Công Hạo	Nam	10/04/1998	16TCT-Đ	Ng: Học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế năm học 2016-2017
65	16002822	Nguyễn Huỳnh Nhật Hòa	Nam	29/06/1998	16TCT-Đ	
66	16002211	Nguyễn Văn Quốc Hoàng	Nam	27/08/1998	16TCT-Đ	
67	16000649	Nguyễn Mạnh Hùng	Nam	24/05/1998	16TCT-Đ	
68	16000352	Thái Gia Hưng	Nam	17/11/1997	16TCT-Đ	
69	16002453	Lê Hùng Minh Huy	Nam	09/6/1996	16TCT-Đ	
70	16002108	Trần Đoàn Quang Huy	Nam	01/1/1997	16TCT-Đ	
71	16003453	Vi Đình Khải	Nam	23/03/1997	16TCT-Đ	
72	16002718	Đặng Nhật Khánh	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	
73	16000675	Trần Quốc Khánh	Nam	09/5/1998	16TCT-Đ	
74	16001134	Nguyễn Tiến Lợi	Nam	13/03/1997	16TCT-Đ	
75	16001271	Phạm Hoàng Long	Nam	12/05/1998	16TCT-Đ	
76	16003330	Võ Hoàng Luân	Nam	21/09/1995	16TCT-Đ	
77	16003442	Nguyễn Mạnh	Nam	09/10/1998	16TCT-Đ	
78	16002207	Nguyễn Đức Phát	Nam	29/03/1998	16TCT-Đ	
79	16003655	Cao Hồng Phúc	Nam	24/03/1996	16TCT-Đ	
80	16003581	Phạm Văn Phúc	Nam	24/12/1996	16TCT-Đ	

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
81	16002467	Đoàn Hữu Tài	Nam	04/4/1998	16TCT-Đ	
82	16002452	Huỳnh Minh Tâm	Nam	01/9/1998	16TCT-Đ	
83	16002984	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	21/09/1998	16TCT-Đ	
84	16001799	Nguyễn Ngọc Thành	Nam	18/11/1998	16TCT-Đ	
85	16003477	Nguyễn Đình Thi	Nam	14/04/1998	16TCT-Đ	
86	16000923	Huỳnh Bá Thuận	Nam	15/02/1998	16TCT-Đ	Nợ học phí học văn hóa
87	16003117	Trần Nguyên Chí Tiến	Nam	02/3/1998	16TCT-Đ	
88	16001848	Nguyễn Trần Đăng Trung	Nam	08/12/1992	16TCT-Đ	
89	16003658	Nguyễn Hữu Chi	Nam	27/08/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
90	16003651	Cao Thế Công Dân	Nam	30/07/1998	16TCT-Ô1	
91	16001610	Nguyễn Huỳnh Đức	Nam	26/08/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế Năm học 2016-2017
92	16001300	Đào Ngọc Duy	Nam	25/09/1997	16TCT-Ô1	
93	16001579	Nguyễn An Giang	Nam	06/1/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế Năm học 2016-2017
94	16003202	Nguyễn Lưu Trường Giang	Nam	25/03/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
95	16003500	Lữ Tuấn Hào	Nam	24/12/1998	16TCT-Ô1	
96	16003653	Nguyễn Anh Hào	Nam	12/08/1996	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
97	16002681	Nguyễn Thái Hòa	Nam	06/10/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
98	16000677	Nguyễn Hoàng	Nam	06/1/1998	16TCT-Ô1	
99	16003385	Nguyễn Tiến Huy	Nam	25/08/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
100	16002753	Nguyễn Đình Khánh	Nam	17/09/1998	16TCT-Ô1	
101	16002801	Nguyễn Hoàng Linh	Nam	28/02/1998	16TCT-Ô1	

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
102	16000642	Nguyễn Đức	Nam	19/01/1998	16TCT-Ô1	
103	16000682	Nguyễn Tấn	Nam	10/08/1997	16TCT-Ô1	
104	16003580	Nguyễn Đắc	Nam	03/4/1998	16TCT-Ô1	
105	16003049	Lê Ngọc	Nam	20/04/1996	16TCT-Ô1	
106	16001371	Nguyễn Hiệp	Nam	12/01/1998	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế năm học 2016-2017
107	16003483	Dương Nhất	Nam	20/09/1998	16TCT-Ô1	
108	16002930	Nguyễn Anh	Nam	25/12/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
109	16000736	Nguyễn Hoàng	Nam	11/08/1998	16TCT-Ô1	
110	16002756	Nguyễn Tấn	Nam	15/05/1998	16TCT-Ô1	
111	16001137	Dương Xuân	Nam	07/5/1996	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế năm học 2016-2017
112	16000660	Nguyễn Ngọc	Nam	12/05/1998	16TCT-Ô1	
113	16003028	Lê Nhật	Nam	08/7/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
114	16001243	Nguyễn Thanh	Nam	09/10/1997	16TCT-Ô1	Nợ: Học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế năm học 2016-2017
115	16003592	Vũ Thiên	Nam	04/11/1998	16TCT-Ô2	
116	16003540	Phan Văn	Nam	23/03/1997	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
117	16003896	Nguyễn Quân	Nam	02/3/1997	16TCT-Ô2	
118	16003903	Dương Trọng	Nam	03/6/1997	16TCT-Ô2	
119	16002438	Trần Trọng Minh	Nam	05/3/1998	16TCT-Ô2	
120	16000712	Phùng	Nam	03/5/1998	16TCT-Ô2	
121	16002729	Trần Dậu	Nam	07/4/1998	16TCT-Ô2	
122	16001891	Thi Đức	Nam	30/01/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
123	16001564	Võ Ngọc Quý	Nam	04/12/1998	16TCT-Ô2	
124	16003796	Cải Nguyễn Tấn Sang	Nam	26/02/1997	16TCT-Ô2	
125	16001574	Phạm Thành Tân	Nam	22/02/1998	16TCT-Ô2	
126	16000943	Trương Vĩnh Nhật Tân	Nam	04/1/1997	16TCT-Ô2	
127	16000926	Võ Minh Tân	Nam	04/3/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế năm học 2016-2017
128	16003792	Bùi Văn Thi	Nam	25/10/1998	16TCT-Ô2	
129	16000726	Nguyễn Trung Thứ	Nam	12/11/1996	16TCT-Ô2	
130	16002018	Phạm Tiến	Nam	12/12/1996	16TCT-Ô2	
131	16001651	Trịnh Văn Tiến	Nam	20/12/1997	16TCT-Ô2	
132	16001151	Nguyễn Văn Tròn	Nam	02/5/1998	16TCT-Ô2	Nợ: Học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế năm học 2016-2017
133	16002964	Trương Anh Tú	Nam	17/11/1997	16TCT-Ô2	
134	16001419	Huỳnh Tuấn Anh	Nam	08/11/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí học văn hóa, Bảo hiểm y tế năm học 2016-2017
135	16002744	Nguyễn Hoàng Quốc Cường	Nam	18/05/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
136	16001348	Nguyễn Quốc Cường	Nam	07/7/1997	16TCT-QTM	
137	16001686	Lư Tấn Đạt	Nam	31/01/1997	16TCT-QTM	
138	16002331	Phạm Thanh Kỳ Duyên	Nữ	12/11/1996	16TCT-QTM	
139	16001748	Lê Thanh Hào	Nam	10/01/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
140	16003056	Trương Hữu Hậu	Nam	06/5/1998	16TCT-QTM	
141	16001664	Lê Gia Huy	Nam	22/09/1998	16TCT-QTM	
142	16000665	Phạm Tuấn Khải	Nam	01/1/1997	16TCT-QTM	
143	16003065	Phạm Thị Linh	Nữ	28/04/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa

STT	MSHS	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
144	16002255	Lê Huỳnh Bá Lộc	Nam	13/08/1998	16TCT-QTM	
145	16002544	Nguyễn Thanh Bảo Mì	Nữ	20/08/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
146	16002608	Lê Khải Minh	Nam	12/08/1998	16TCT-QTM	
147	16003005	Võ Tấn Phát	Nam	25/03/1996	16TCT-QTM	Được miễn thi môn Hóa
148	16003854	Nguyễn Xuân Quang	Nam	08/7/1998	16TCT-QTM	
149	16003029	Lã Văn Sơn	Nam	06/7/1998	16TCT-QTM	
150	16003720	Nguyễn Minh Thái	Nam	11/09/1998	16TCT-QTM	Nợ: Học phí Học kỳ 2, học phí học văn hóa
151	16001652	Nguyễn Châu Trường Thành	Nam	27/07/1998	16TCT-QTM	
152	16003716	Trương Huỳnh Công Thịnh	Nam	19/12/1996	16TCT-QTM	
153	16000913	Quách Ngọc Tú Thương	Nữ	21/09/1996	16TCT-QTM	
154	16003215	Sử Thùy Trâm	Nữ	10/08/1998	16TCT-QTM	
155	16000622	Dương Khánh Trường	Nam	15/05/1998	16TCT-QTM	
156	16002762	Lê Thái Văn	Nam	26/09/1997	16TCT-QTM	
157	16003396	Nguyễn Tấn Vinh	Nam	13/11/1997	16TCT-QTM	

Tổng cộng danh sách có **157** học sinh. 

